

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-30



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

Thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Quang Tiến	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Số: 1179/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.657.823.654	72.032.886.375
110	I. Tài sản tài chính		49.609.028.959	59.960.091.680
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.220.590.327	8.147.656.440
111.1	1.1 Tiền		8.220.590.327	8.147.656.440
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	14.595.916.691	14.595.916.691
116	3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(3.108.281)	(1.479.200)
118	4. Trả trước cho người bán	7	22.638.385.174	22.638.385.174
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	43.960	1.339.250
122	6. Các khoản phải thu khác	8	32.063.705.124	34.975.246.124
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(27.906.504.036)	(20.396.972.799)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		12.048.794.695	12.072.794.695
131	1. Tạm ứng		303.002	303.002
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	24.000.000
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	12.000.000.000	12.000.000.000
136.	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	48.491.693	48.491.693
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.634.677.125	35.490.021.708
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		4.934.485.537	4.862.103.592
212	1. Các khoản đầu tư	5	5.340.000.000	5.340.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác		5.340.000.000	5.340.000.000
213	2. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn		(405.514.463)	(477.896.408)
220	II. Tài sản cố định		-	2.971.509
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	2.971.509
222	- Nguyên giá		3.930.336.468	3.930.336.468
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.930.336.468)	(3.927.364.959)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		1.971.239.400	1.971.239.400
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.971.239.400)	(1.971.239.400)
250	III. Tài sản dài hạn khác		30.700.191.588	30.624.946.607
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.000.000	2.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	29.520.080.000	29.520.080.000
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	1.178.111.588	1.102.866.607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		97.292.500.779	107.522.908.083

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.645.961.090	1.863.048.558
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.645.961.090	1.863.048.558
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	188.315.001	218.315.001
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	73.777.897	319.104.986
323	3. Phải trả người lao động		44.346.626	293.844.368
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		989.201.185	791.179.285
329	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	350.320.381	240.604.918
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		95.646.539.689	105.659.859.525
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	95.646.539.689	105.659.859.525
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		138.000.000.000	138.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(42.353.460.311)	(32.340.140.475)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(42.353.460.311)	(32.340.140.475)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.292.500.779	107.522.908.083

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	40.650.000	37.040.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	12.537.480.000	12.537.480.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	50.501.140.000	20.677.450.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		50.490.140.000	20.363.450.000
021.4	b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10.000.000	10.000.000
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.000.000	304.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	869.030.000	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		869.030.000	-
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	1.115.854.024	2.060.920.807
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.115.854.024	2.060.920.807
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	937.959.222	2.016.765.365
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		936.297.414	2.015.114.929
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.661.808	1.650.436
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	177.894.802	44.155.442

Nguyễn Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
06	1.1 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		789.656.495	1.489.539.727
20	Cộng doanh thu hoạt động		789.656.495	1.489.539.727
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
24	2.1 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay		(70.752.864)	(19.661.337)
27	2.2 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.524.451.841	2.305.840.638
30	2.3 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		17.589.641	67.412.380
32	2.4 Chi phí các dịch vụ khác		-	3.160.000
40	Cộng chi phí hoạt động		1.471.288.618	2.356.751.681
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	27		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		64.946.850	61.864.784
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		64.946.850	61.864.784
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	28	9.237.471.855	7.427.621.381
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(9.854.157.128)	(8.232.968.551)
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	7.1 Thu nhập khác		552.755	1.647.500
72	7.2 Chi phí khác	29	159.715.463	70.063.918
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(159.162.708)	(68.416.418)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(10.013.319.836)	(8.301.384.969)
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(10.013.319.836)	(8.301.384.969)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
100	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>(10.013.319.836)</u>	<u>(8.301.384.969)</u>
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	31	(726)	(602)

Nguyễn Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.013.319.836)	(8.301.384.969)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.971.509	131.256.565
04	- Các khoản dự phòng		7.438.778.373	5.640.359.575
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(64.946.850)	(61.864.784)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.295.290	(1.339.250)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		2.911.541.000	2.468.035.183
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(75.244.981)	(85.007.992)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		24.000.000	(24.000.000)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(30.000.000)	(128.670.820)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		198.021.900	(222.097.200)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(245.327.089)	125.667.320
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(249.497.742)	(24.219.471)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		109.715.463	75.604.916
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.987.037	(407.660.927)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
65	1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		64.946.850	61.864.784
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		64.946.850	61.864.784
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		72.933.887	(345.796.143)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.147.656.440	8.493.452.583
101.1	- Tiền		8.147.656.440	8.493.452.583
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		8.220.590.327	8.147.656.440
103.1	- Tiền		8.220.590.327	8.147.656.440

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		190.085.426.100	370.898.578.200
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(189.048.763.900)	(370.052.399.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		895.596.815	3.260.111.222
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(3.011.065.158)	(5.108.343.237)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		593.650.317	1.250.858.824
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(459.910.957)	(1.229.466.742)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(945.066.783)	(980.660.733)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2.060.920.807	3.041.581.540
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.060.920.807	3.041.581.540
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.016.765.365	3.018.818.180
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		44.155.442	22.763.360
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1.115.854.024	2.060.920.807
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.115.854.024	2.060.920.807
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		937.959.222	2.016.765.365
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		177.894.802	44.155.442

Nguyễn Thị Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2015		Năm 2015		31/12/2015	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000	-	-	138.000.000.000	138.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		138.000.000.000	138.000.000.000	-	-	138.000.000.000	138.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(24.038.755.506)	(8.301.384.969)	-	(10.013.319.836)	(32.340.140.475)	(42.353.460.311)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(24.038.755.506)	(8.301.384.969)	-	(10.013.319.836)	(32.340.140.475)	(42.353.460.311)
CỘNG		113.961.244.494	105.659.859.525	(8.301.384.969)	(10.013.319.836)	105.659.859.525	95.646.539.689


Nguyễn Thị Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng


Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 138.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Điều hành chấp thuận.

2
CỔ
CỔ
JIN
'IE
K

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Năm 2016 Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty chỉ thực hiện đánh giá lại chứng khoán khi có giá thị trường giảm so với giá gốc. Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty nhận góp vốn tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.15 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của nhà đầu tư	21.818.165	379.134.190.000
- Cổ phiếu	21.818.165	379.134.190.000
	<u>21.818.165</u>	<u>379.134.190.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.527.317.470	7.878.410.342
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	693.272.857	269.246.098
	<u>8.220.590.327</u>	<u>8.147.656.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu đã niêm yết (*)	29.416.691	47.186.550	29.416.691	50.663.200
Cổ phiếu OTC (**)	14.566.500.000		14.566.500.000	
	14.595.916.691	47.186.550	14.595.916.691	50.663.200

(*) Giá trị hợp lý được xác định căn cứ theo giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2016. Nguyên tắc xác định giá trị thị trường được trình bày tại mục c, thuyết minh này.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	540.000.000	(2.021.255)	540.000.000	(1.183.465)
Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	4.800.000.000	(403.493.208)	4.800.000.000	(476.712.943)
	5.340.000.000	(405.514.463)	5.340.000.000	(477.896.408)

Căn cứ để trích lập dự phòng khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Nam Hà Nội và Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín đang được đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của các Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị dự phòng VND	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Giá ghi số VND	Giá thị trường VND			
FVTPL		14.595.916.691	47.186.550	(3.108.281)	(1.479.200)	(1.629.081)
- Cổ phiếu lẻ (1)	-	29.416.691	47.186.550	(3.108.281)	(1.479.200)	(1.629.081)
- Công ty CP Du lịch Huế (2)	646.248	14.150.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (2)	73.500	416.500.000	-	-	-	-
		14.595.916.691	47.186.550	(3.108.281)	(1.479.200)	(1.629.081)

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc tính xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá thị trường Công ty xác định bằng giá ghi sổ.

(2) Do Công ty không thu thập được báo giá tại 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm 31/12/2016 và không lấy được giá giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên của các cổ phiếu này. Vì vậy tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị thị trường của các khoản đầu tư này do không có cơ sở xác định giá trị thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẺ CHẤP

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính thông qua lãi lỗ	3.108.281	1.479.200
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn	405.514.463	477.896.408
	408.622.744	479.375.608

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước mua văn phòng (*)	22.638.385.174	22.638.385.174
	22.638.385.174	22.638.385.174

(*) Khoản phải thu ứng trước tiền mua văn phòng cho ông Ngô Duy Nhung phát sinh từ thời điểm 28/05/2013 tuy nhiên không thu hồi được và Công ty đã thực hiện trích dự phòng toàn bộ đối với khoản công nợ này.

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	43.960	1.339.250
Phải thu thanh lý hợp đồng môi giới trái phiếu	947.000.000	1.080.000.000
Phải thu thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	4.226.477.600	4.877.018.600
Phải thu thanh lý hợp đồng thuê văn phòng (1)	14.758.822.000	15.988.822.000
Phải thu thanh lý hợp đồng mua cổ phần (2)	11.939.150.000	12.837.150.000
Phải thu khác	192.255.524	192.255.524
	32.063.749.084	34.976.585.374

(1) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng với Công ty TNHH Đất Việt Nam ngày 28/06/2014 với tổng số tiền là 16,4 tỷ đồng, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đặt cọc theo đúng thời hạn trong thanh lý hợp đồng nên Công ty TNHH Đất Việt Nam đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần, số tiền thu hồi được trong năm 2016 là 1.230.000.000 đồng. Theo Công văn gia hạn lần thứ 10 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 01/03/2017.

(2) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt mua cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đông Triều ngày 28/06/2013, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đúng hạn theo thanh lý hợp đồng nên Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đông Triều đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần, số tiền thu hồi được trong năm 2016 là 898.000.000 đồng. Theo Công văn gia hạn lần thứ 14 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 25/03/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Giá trị khoản phải thu	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		
			Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập
			VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	32.063.705.124	5.365.733.124	(4.550.103.177)	(851.015.685)	133.000.000
- Phí môi giới chứng khoán Công ty CP Tài chính Việt Tín	947.000.000	947.000.000	(1.080.000.000)	-	133.000.000
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	4.226.477.600	4.226.477.600	(3.413.913.020)	(812.564.580)	-
- Công ty TNHH Đất Việt Nam	14.758.822.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Triều	11.939.150.000	-	-	-	-
- Phải thu khác	192.255.524	192.255.524	(56.190.157)	(38.451.105)	(94.641.262)
- Trả trước tiền mua văn phòng	22.638.385.174	22.638.385.174	(15.846.869.622)	(6.791.515.552)	-
	54.702.090.298	28.004.118.298	(20.396.972.799)	(7.642.531.237)	133.000.000
					(27.906.504.036)

Handwritten red text and stamps at the bottom right of the page.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
	12.000.000.000	12.000.000.000

(*) Ngày 02/06/2014 Công ty đã ký kết hợp đồng với ông Hoàng Xuân Huy và chuyển tiền đặt cọc 12 tỷ để mua văn phòng, mở thêm Chi nhánh mới tại Hà Nội. Ngày 25/12/2015, Công ty và ông Huy đã ký Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải thu Nhà nước	48.491.693	48.491.693
	48.491.693	48.491.693

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Tại ngày 31/12/2016	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	1.505.810.000	2.421.554.959	3.927.364.959
Khấu hao trong năm	-	2.971.509	2.971.509
Tại ngày 31/12/2016	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	-	2.971.509	2.971.509
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là: 3.930.336.468 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 1.971.239.400 đồng, các tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	29.520.080.000	29.520.080.000
	<u>29.520.080.000</u>	<u>29.520.080.000</u>

(*) Theo Hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên, theo Phụ lục hợp đồng ngày 01/07/2015, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/01/2015 đến 30/06/2016 và Phụ lục ngày 01/07/2016, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/07/2016 đến 30/06/2017, do đó Công ty không phân bổ vào chi phí trong năm.

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338.712.475	338.712.475
Tiền nộp bổ sung	406.531.418	394.990.966
Tiền lãi phân bổ trong năm	432.867.695	369.163.166
Số dư cuối năm	<u>1.178.111.588</u>	<u>1.102.866.607</u>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thương mại và giải pháp phần mềm RPS	80.000.000	110.000.000
Công ty TNHH Kim Ngân Hà	62.826.794	62.826.794
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Cây Cầu Vàng	24.600.000	24.600.000
Phải trả các đối tượng khác	20.888.207	20.888.207
	<u>188.315.001</u>	<u>218.315.001</u>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	73.777.897	319.104.986
	<u>73.777.897</u>	<u>319.104.986</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả tiền phạt của Ủy ban chứng khoán	165.000.000	165.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	185.320.381	75.604.918
	<u>350.320.381</u>	<u>240.604.918</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	25,217%	34.800.000.000	22,60%	31.188.000.000
Bà Hoàng Ngân Hà	48,98%	67.594.000.000	48,98%	67.594.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín	9,80%	13.524.000.000	9,80%	13.524.000.000
Ông Hoàng Trung Hiếu	9,80%	13.524.000.000	9,80%	13.524.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	3,883%	5.358.000.000	6,50%	8.970.000.000
Các cổ đông khác	2,32%	3.200.000.000	2,32%	3.200.000.000
	100%	138.000.000.000	100%	138.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(42.353.460.311)	(32.340.140.475)
	(42.353.460.311)	(32.340.140.475)

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	40.650.000	37.040.000
	40.650.000	37.040.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	12.537.480.000	12.537.480.000
	12.537.480.000	12.537.480.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	50.490.140.000	20.363.450.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.000.000	10.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.000.000	304.000.000
	50.501.140.000	20.677.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	869.030.000	-
	869.030.000	-

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	1.115.854.024	2.060.920.807
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.115.854.024	2.060.920.807
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1.114.192.216	2.059.270.371
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.661.808	1.650.436
	1.115.854.024	2.060.920.807

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	937.959.222	2.016.765.365
1.1. Nhà đầu tư trong nước	936.297.414	2.015.114.929
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.661.808	1.650.436
	937.959.222	2.016.765.365

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	177.894.802	44.155.442
	177.894.802	44.155.442

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	64.946.850	61.864.784
	64.946.850	61.864.784

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.510.511.977	1.354.835.965
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	106.976.400	116.157.909
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.261.500
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.971.509	96.256.541
Chi phí thuế, phí và lệ phí	51.130.584	83.267.758
Chi phí dự phòng	7.509.531.237	5.660.020.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.816.000	90.139.340
Chi phí khác	17.534.148	25.681.456
	9.237.471.855	7.427.621.381

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	159.715.463	70.063.918
	159.715.463	70.063.918

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.013.319.836)	(8.301.384.969)
Các khoản điều chỉnh tăng	159.715.463	70.063.918
- Chi phí không hợp lệ	159.715.463	70.063.918
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(9.853.604.373)	(8.231.321.051)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(10.013.319.836)	(8.301.384.969)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(10.013.319.836)	(8.301.384.969)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(726)	(602)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu tiền phí môi giới chứng khoán			
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín	(1)	947.000.000	1.080.000.000
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu			
Công ty CP Xăng Dầu Việt Tín	(1)	4.226.477.600	4.877.018.600
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng			
Công ty TNHH Đất Việt Nam	(1)	14.758.822.000	15.988.822.000
Số dư đầu tư góp vốn			
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	(1)	540.000.000	540.000.000
Công ty CP Xăng dầu Việt Tín	(1)	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần			
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Triều	(1)	11.939.150.000	12.837.150.000
Phải thu đặt cọc mua văn phòng			
Ông Hoàng Xuân Huy	(2)	12.000.000.000	12.000.000.000
Trả trước tiền thuê văn phòng			
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	29.520.080.000	29.520.080.000

(1) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đồng thời là Chủ tịch các Công ty này.

(2) Ông Hoàng Xuân Huy là bố đẻ bà Hoàng Ngân Hà - Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	144.000.000	144.000.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo Tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017